

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG**  
**SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

\*\*\*\*\*

Tháng 3 năm 2025

## I. Đánh giá chung về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, nhưng kinh tế Việt Nam vẫn ghi nhận những kết quả tích cực. Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Viễn thông VTC đã thể hiện sự nỗ lực vượt bậc, đạt được những thành tựu đáng kể, củng cố vị thế vững chắc trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.

Mặc dù tình hình kinh tế đã có những dấu hiệu cải thiện so với năm 2023, Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể, bao gồm:

- Cạnh tranh gay gắt: Thị trường viễn thông và công nghệ thông tin tiếp tục chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt với sự gia nhập của nhiều doanh nghiệp mới và sự hiện diện của các tập đoàn quốc tế.
- Biến động chính trị: Những bất ổn chính trị trên toàn cầu đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- Lạm phát và suy thoái kinh tế: Mặc dù lạm phát tại Việt Nam được kiểm soát ở mức 3,5%, áp lực lên chi phí sản xuất và giá cả sản phẩm vẫn là một thách thức đáng kể. Nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu ngày càng rõ rệt, ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua và nhu cầu đầu tư trên thị trường.

Tuy vậy, với sự quyết tâm cao độ của toàn thể cán bộ nhân viên, cùng sự lãnh đạo chiến lược xuyên suốt của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, Công ty đã gặt hái được những kết quả kinh doanh khả quan, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, từ đó khẳng định vị thế và tiềm lực phát triển bền vững trong tương lai.

## II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

### 1. Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

*DVT: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So với kế hoạch năm 2024	So với thực hiện năm 2023
1	Doanh thu hợp nhất	179,09	230,00	236,60	103%	132%
2	LNTT hợp nhất	2,69	4,70	6,33	135%	235%
3	LNST hợp nhất	0,31	3,50	3,59	103%	1158%
4	LNST hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	0,91	3,10	3,53	114%	388%

Tất cả chỉ tiêu SXKD năm 2024 đều tăng so với năm 2023 và vượt mức chỉ tiêu đầu năm đề ra, cho thấy sự thành công trong hoạch định và áp dụng các chiến lược kinh doanh

hiệu quả. Quy mô tăng trưởng và kết quả kinh doanh của Công ty trong năm được đánh giá phù hợp với diễn biến khó khăn của thị trường, phù hợp với sự phát triển của ngành Viễn thông, Công nghệ thông tin trong nước và phù hợp với định hướng của Tập đoàn VNPT.

## 2. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024

### 2.1 Hoạt động Dịch vụ công nghệ thông tin

Thị trường dịch vụ kỹ thuật tiếp tục có sự cạnh tranh gay gắt, các đơn vị viễn thông tỉnh/thành cắt giảm chi phí và giảm giá dịch vụ đồng thời xu hướng tự bảo trì, bảo dưỡng của các đơn vị viễn thông cũng khiến thị trường dịch vụ kỹ thuật truyền thống bị thu hẹp đáng kể trong những năm gần đây. Công ty đã chủ động giảm giá dịch vụ, đồng thời tối ưu hóa quy trình triển khai dự án nhằm đảm bảo chất lượng và tiết kiệm chi phí, lấy chất lượng dịch vụ là lợi thế cạnh tranh. Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2024 đạt 144,4 tỷ đồng tăng 43% so với năm 2023.

**Dịch vụ lắp đặt bảo dưỡng và tối ưu hóa:** Nhờ đội ngũ kỹ thuật giàu kinh nghiệm, Công ty đã triển khai hiệu quả các dịch vụ lắp đặt bảo dưỡng, tối ưu hóa và xử lý cảnh báo, được khách hàng đánh giá cao. Trong năm 2024, Công ty đã triển khai các dịch vụ tại Viễn thông Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai với mức doanh thu tăng trưởng vượt bậc so với năm 2023.

**Dịch vụ giám sát tàu cá:** Tháng 4/2024, sự cố mất kết nối vệ tinh T2 của hãng Thuraya đã ảnh hưởng đến dịch vụ giám sát tàu cá. Hiện Công ty đã phối hợp với Tổng công ty Dịch vụ viễn thông và hãng Thuraya khắc phục sự cố, kịp thời xử lý các sự cố mất kết nối cho các tàu cá để duy trì phát triển dịch vụ giữ vững vị trí đứng đầu trong thị trường dịch vụ giám sát tàu cá. Công ty đang triển khai hợp tác với các nhà cung cấp thiết bị và các hãng vệ tinh khác để đa dạng hóa lựa chọn sản phẩm cho khách hàng.

**Dịch vụ công nghệ thông tin và số hóa:** Năm 2024, Công ty ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể trong lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin, an toàn thông tin và số hóa. Đây là mảng dịch vụ được công ty tập trung phát triển nhằm dịch chuyển từ các dịch vụ viễn thông truyền thống sang để phù hợp các định hướng chiến lược như an toàn thông tin, số hóa trong giai đoạn hiện nay. Công ty đã triển khai và ghi nhận được doanh thu từ các dự án Trung tâm điều hành thông minh (IOC), và các dự án chuyển đổi số tại các Bộ, ngành và tiếp tục hướng tới khách hàng trong và ngoài Tập đoàn VNPT trong thời gian tới.

### 2.2 Hoạt động kinh doanh thương mại

Năm 2024, thị trường thương mại sản phẩm điện tử viễn thông tiếp tục đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt. Việc tăng lãi suất đã đẩy giá thành sản phẩm lên cao, kéo theo chi phí và thời gian sản xuất, nhập khẩu tăng đáng kể. Để duy trì khả năng cạnh tranh, Công ty buộc phải cắt giảm chi phí, giảm giá và chấp nhận biên lợi nhuận thấp trong các hợp đồng thương

mai. Các sản phẩm thương mại của công ty cũng dần có sự dịch chuyển từ sản phẩm phần cứng sang sản phẩm phần mềm, bản quyền để mang lại hiệu quả tốt hơn so với trước đây.

Doanh thu thương mại đạt 74 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2023. Doanh thu thương mại chủ yếu từ nhóm thiết bị viễn thông, thiết bị đầu cuối vệ tinh Thuraya và sản phẩm phần mềm.

Nhận định thị trường sản phẩm dịch vụ số cạnh tranh khốc liệt với số lượng sản phẩm đa dạng và khó thâm nhập phát triển doanh số, Công ty đã định hướng phát triển thương mại sản phẩm số gắn liền với các sản phẩm dịch vụ của Tập đoàn VNPT. Hiện Công ty đã hoàn thiện kết nối kỹ thuật với Vinaphone đối với phần mềm bảo mật Kaspersky, sản phẩm giáo dục vnEdu để có thể triển khai thương mại trên các nền tảng của Vinaphone. Doanh thu sản phẩm số năm 2024 đạt 6,5 tỷ đồng, và mục tiêu sẽ đạt mức tăng trưởng tốt trong năm 2025.

### 2.3 Hoạt động Nghiên cứu phát triển

Công ty luôn nỗ lực phát triển các sản phẩm, giải pháp phù hợp với xu hướng công nghệ trong nước và quốc tế. Trọng tâm của năm 2024 là tối ưu hóa danh mục sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số, góp phần vào chuỗi giá trị chung của Tập đoàn VNPT đồng thời định hình những sản phẩm cốt lõi để đưa vào kinh doanh trên thị trường.

Công ty đã và đang tham gia vào chuỗi cung ứng dịch vụ chuyển đổi số của Tập đoàn cho các khách hàng Chính phủ, Bộ ban ngành và các doanh nghiệp. Tiêu biểu là các dự án: Số hóa cơ sở dữ liệu đất đai, Trung tâm điều hành thông minh (IOC), Dịch vụ thiết bị truyền tin cảnh báo sự cố (EOC), Hệ thống thông tin lưu trữ, Hệ thống truyền thanh thông minh (ICS) và các dự án chuyển đổi số ở các tỉnh/thành.

Năm 2024, Công ty đã hợp tác với các hãng vệ tinh và các hãng hàng không tại Việt Nam để phát triển dịch vụ Internet vệ tinh trên tàu bay. Công ty cũng được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ này, khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực thông tin vệ tinh tại Việt Nam.

### 2.4 Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con

Công ty con - Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh (STID) thị trường thẻ cào truyền thống thu hẹp, trong khi các sản phẩm, giải pháp mới của Công ty đang trong quá trình hoàn thiện và chưa được thị trường đón nhận rộng rãi, doanh thu 37,8 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2023.

Để thích ứng với sự thu hẹp của thị trường thẻ cào, STID đã chuyển hướng sang các sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin. Mảng cung cấp thiết bị công nghệ thông tin đã mang lại doanh thu, tuy nhiên lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng do Công ty áp dụng giá cạnh tranh để tích lũy kinh nghiệm. Bên cạnh đó Công ty con STID cũng đã chuyển hướng phát triển các sản phẩm giải pháp về bảo mật, an toàn thông tin qua việc hợp tác phát triển với các hãng bảo

mật như Darktrace, Kaspersky, MSOne... đồng thời phát triển giải pháp xác thực căn cước công dân. Các sản phẩm giải pháp này đang trong quá trình hoàn thiện, triển khai thử nghiệm tại các Ngân hàng, trường học, tổ chức hành chính công... dung lượng thị trường chưa nhiều do đây là các mảng mới được thị trường bắt đầu đón nhận.

### 3. Các hoạt động quản lý khác

#### 3.1 Công tác quản lý tài chính kế toán

Công ty đảm bảo cung ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024. Việc quản lý và sử dụng vốn được thực hiện linh hoạt, lập kế hoạch nguồn vốn theo từng giai đoạn kinh doanh, đồng thời thường xuyên kiểm tra và giám sát tiến độ để quản lý hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực tài chính và các khoản chi phí phát sinh.

Tình hình tài chính của Công ty được phản ánh minh bạch, trung thực, đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Các khoản nợ được giám sát chặt chẽ, với nỗ lực đẩy nhanh tiến độ thu hồi nợ nhằm duy trì dòng tiền ổn định.

#### 3.2 Công tác quản trị nhân sự

Công ty đã sắp xếp và phân bổ nguồn lực hợp lý, tập trung vào thế mạnh của từng đơn vị để nâng cao hiệu quả vận hành. Việc tối ưu hóa quy trình quản trị và ứng dụng chuyên đổi số vào điều hành giúp đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh thông suốt, tăng năng suất lao động.

Trong năm 2024, công tác tuyển dụng và đào tạo được đẩy mạnh nhằm bổ sung nguồn lực nhân lực chất lượng cao. Triển khai đào tạo nội bộ theo hướng thực tiễn, kết hợp trực tiếp và trực tuyến, tập trung vào chuyên môn công nghệ thông tin và kinh doanh sản phẩm số, nhằm xây dựng đội ngũ phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn.

Công ty tiếp tục áp dụng chính sách trả lương theo hiệu suất, tạo động lực nâng cao năng suất lao động. Phương án khoán chi phí trong triển khai dự án được duy trì, giúp tối ưu ngân sách, rút ngắn thời gian thực hiện và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

*Trân trọng./.*

**Nơi nhận:**

- Thành viên HĐQT/BKS;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT.



**PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024**

*ĐVT: tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So với kế hoạch năm 2024	So với thực hiện năm 2023
<b>Công ty mẹ (VTC)</b>						
1	Doanh thu	151,54	190,00	215,47	113%	142%
2	LNTT	3,31	3,40	6,05	178%	183%
3	LNST	1,09	2,50	3,43	137%	315%
<b>Công ty con (STID)</b>						
1	Doanh thu	27,60	40,00	37,84	95%	137%
2	LNTT	-1,52	1,30	0,28	22%	
3	LNST	-1,50	1,00	0,17	17%	
<b>Hợp nhất</b>						
1	Doanh thu hợp nhất	179,09	230,00	236,60	103%	132%
2	LNTT hợp nhất	2,69	4,70	6,33	135%	235%
3	LNST hợp nhất	0,31	3,50	3,59	103%	1158%
4	LNST hợp nhất của cổ đông công ty mẹ	0,91	3,10	3,53	114%	388%